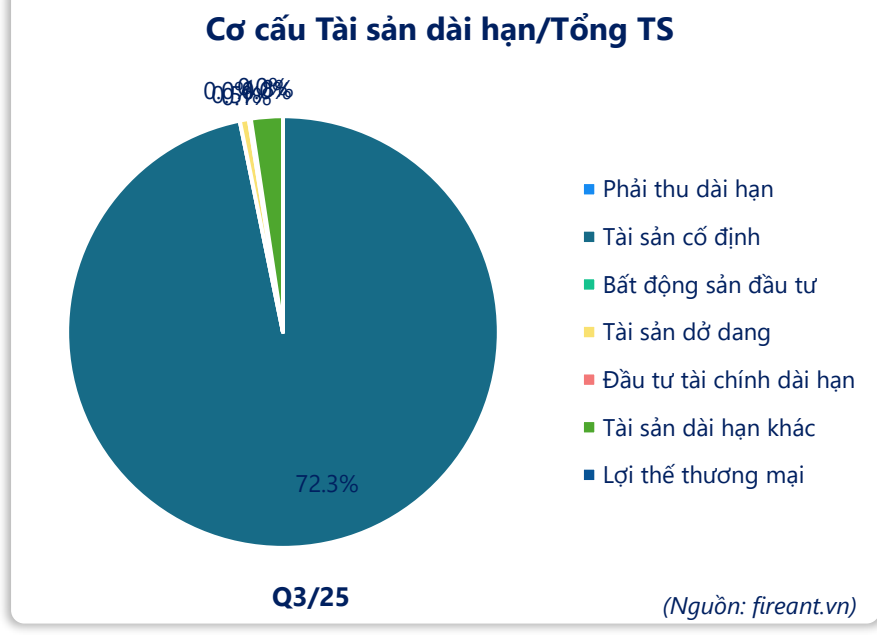
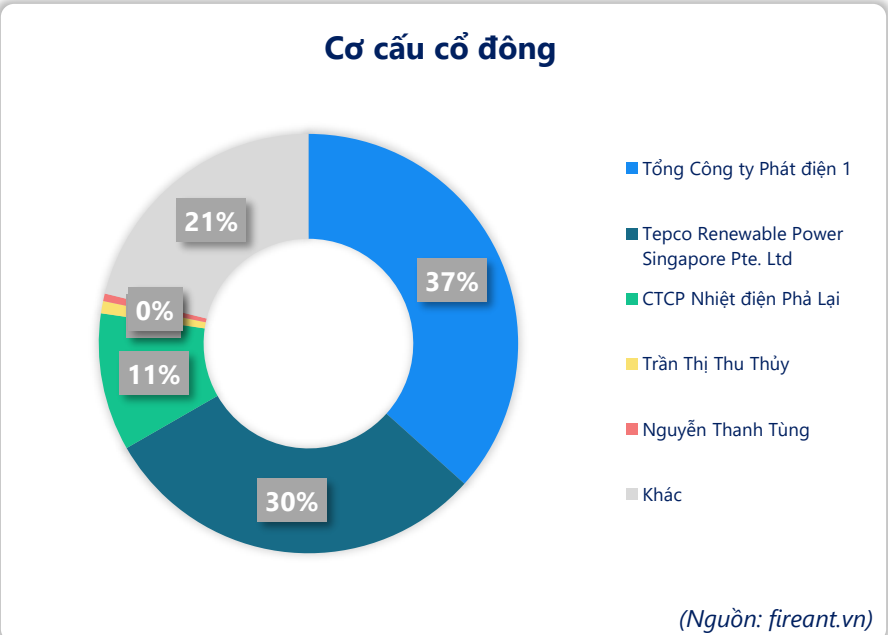
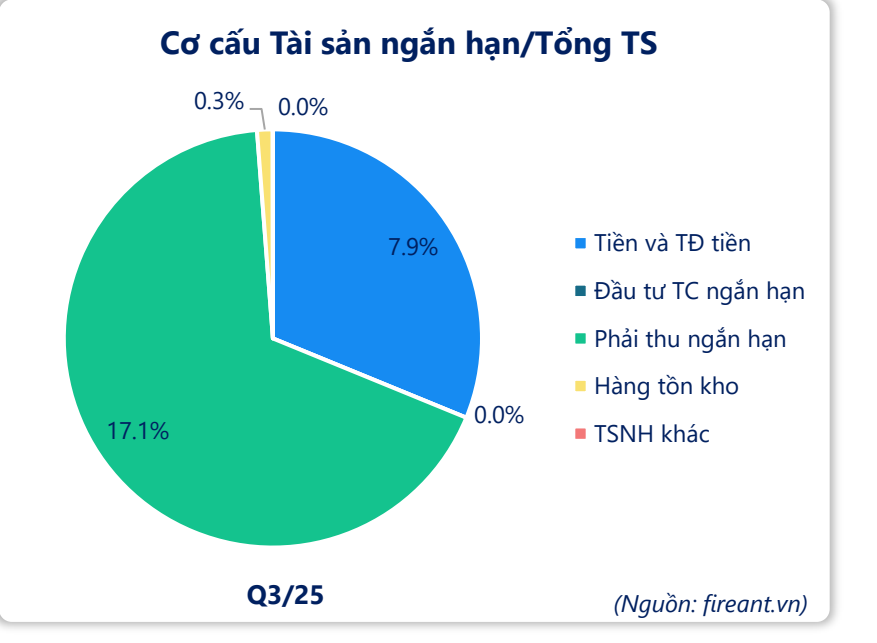
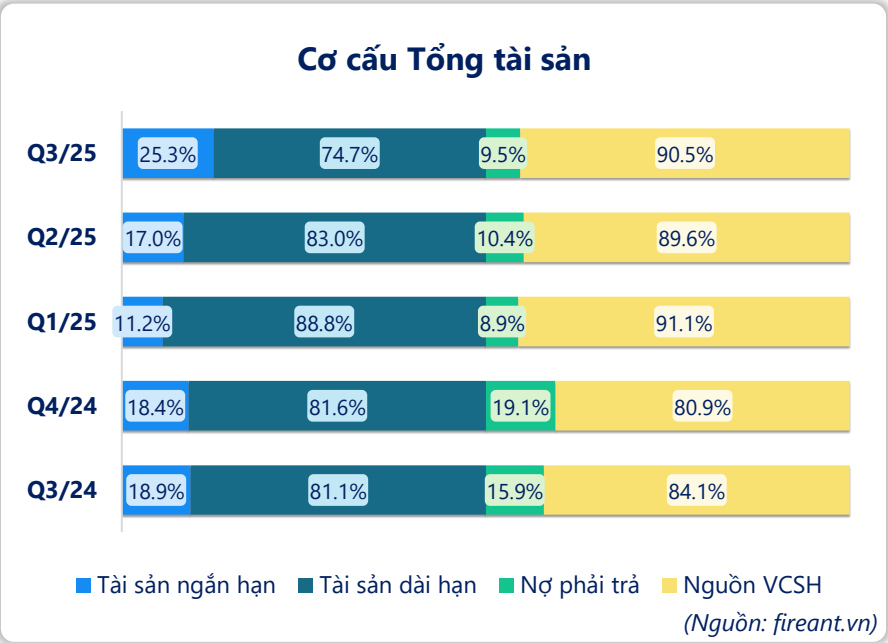
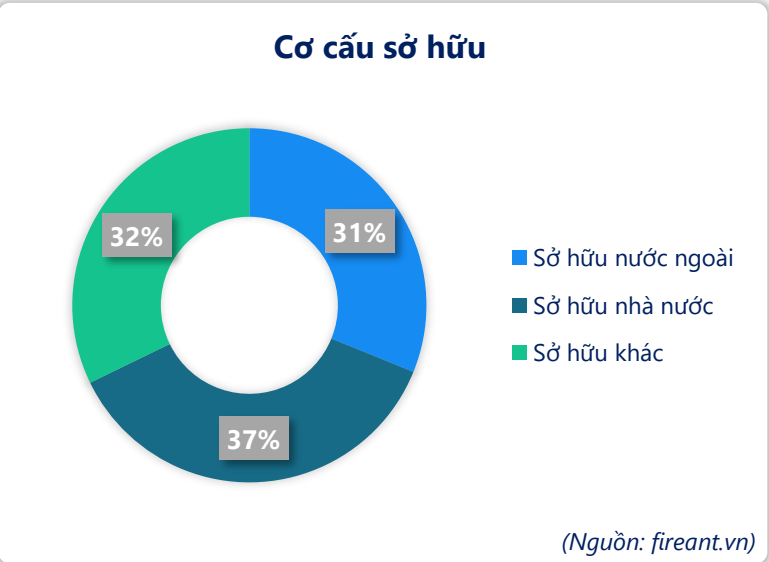
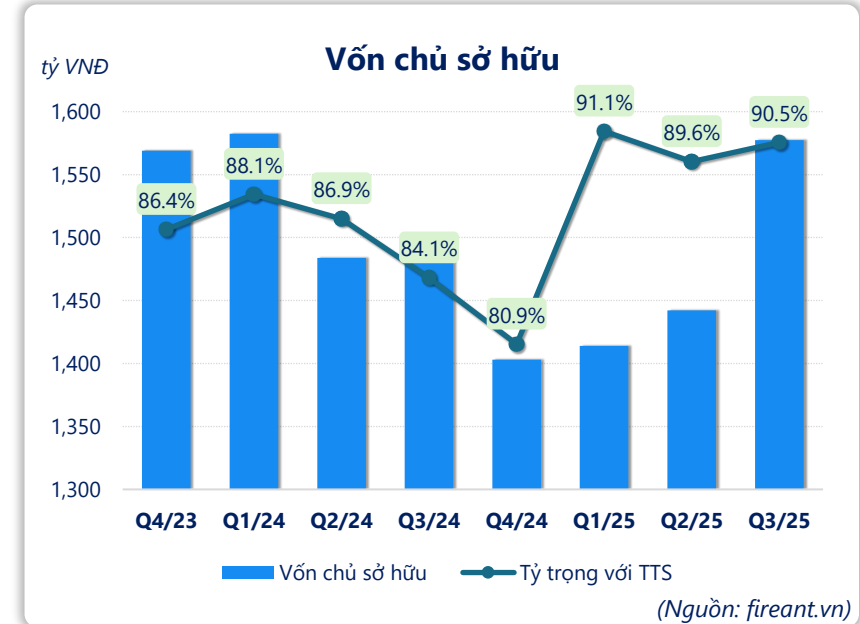
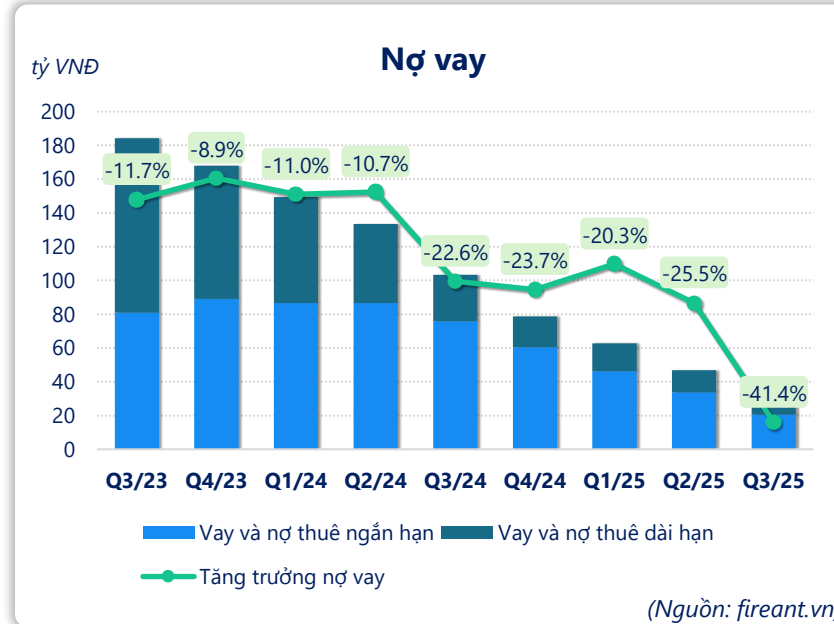
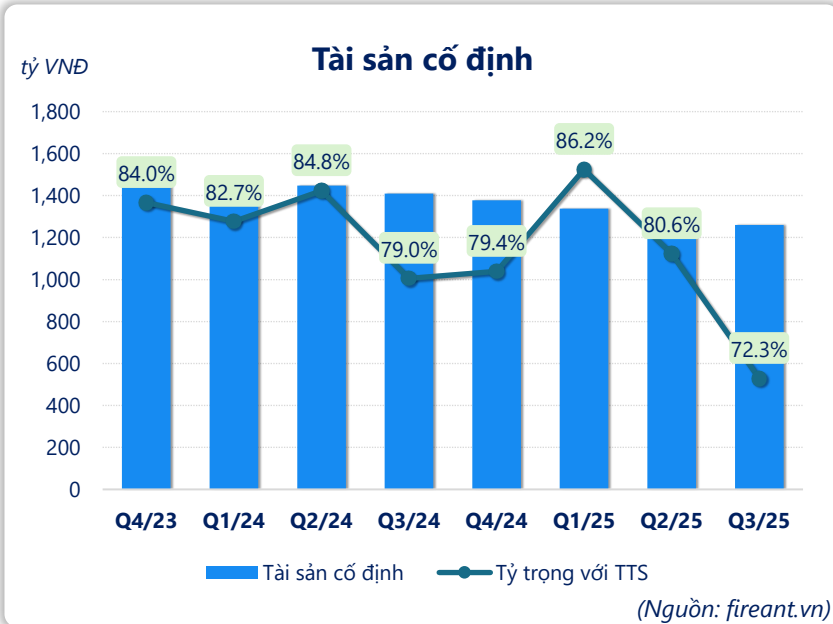
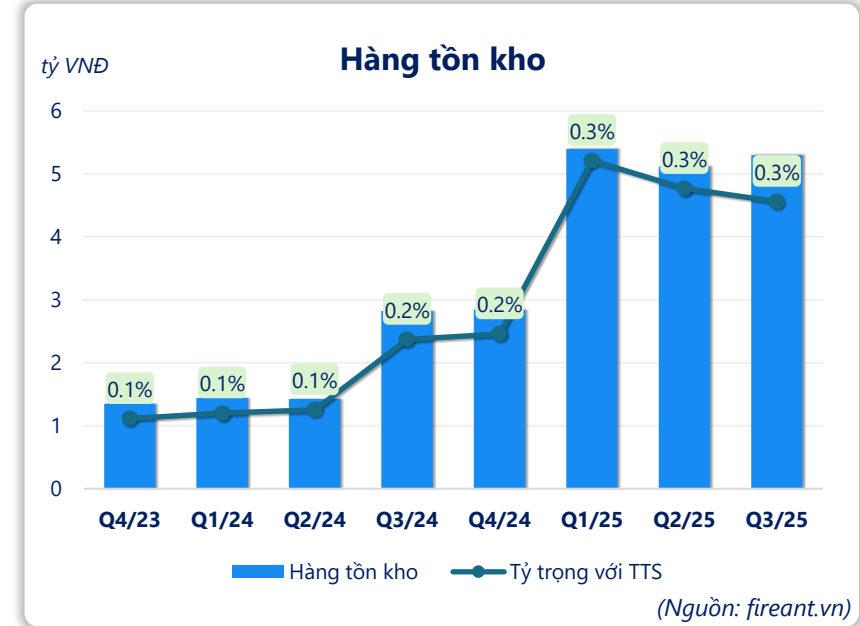
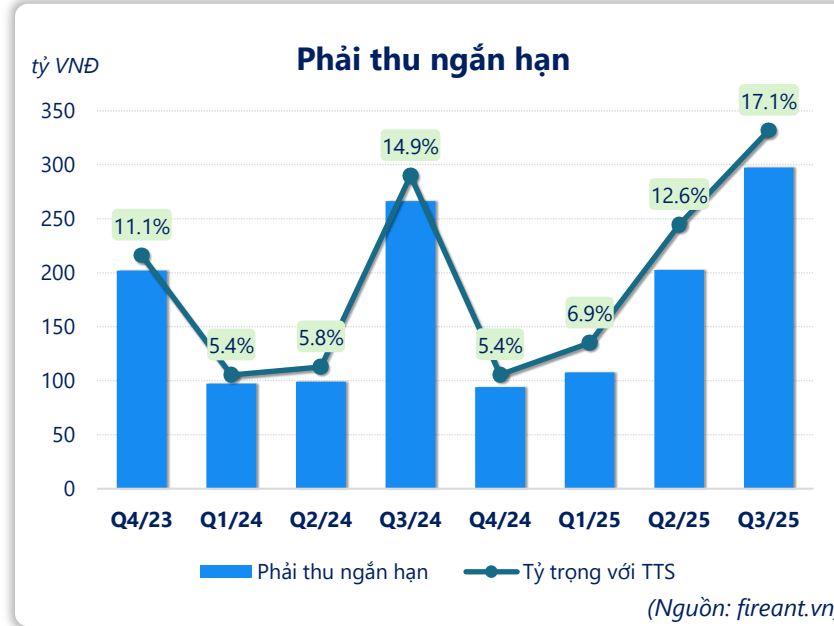
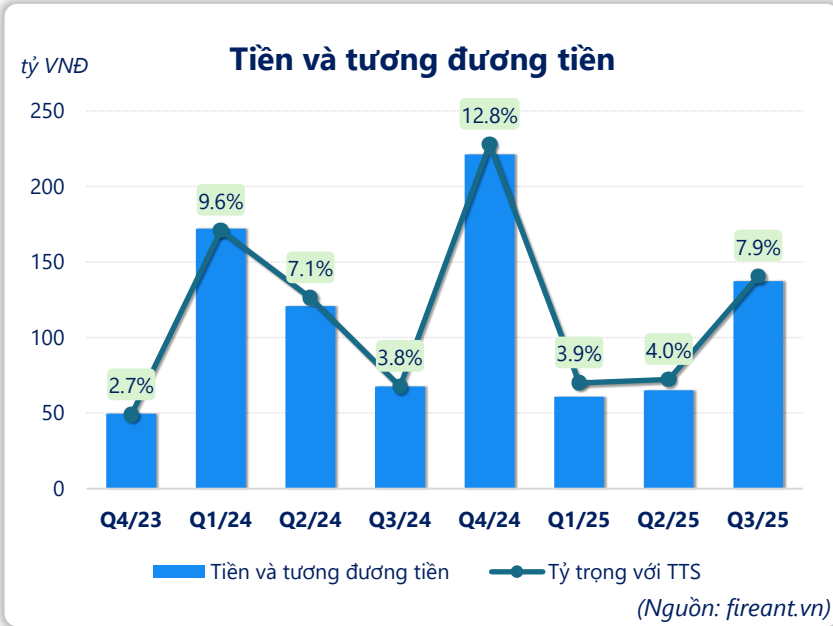
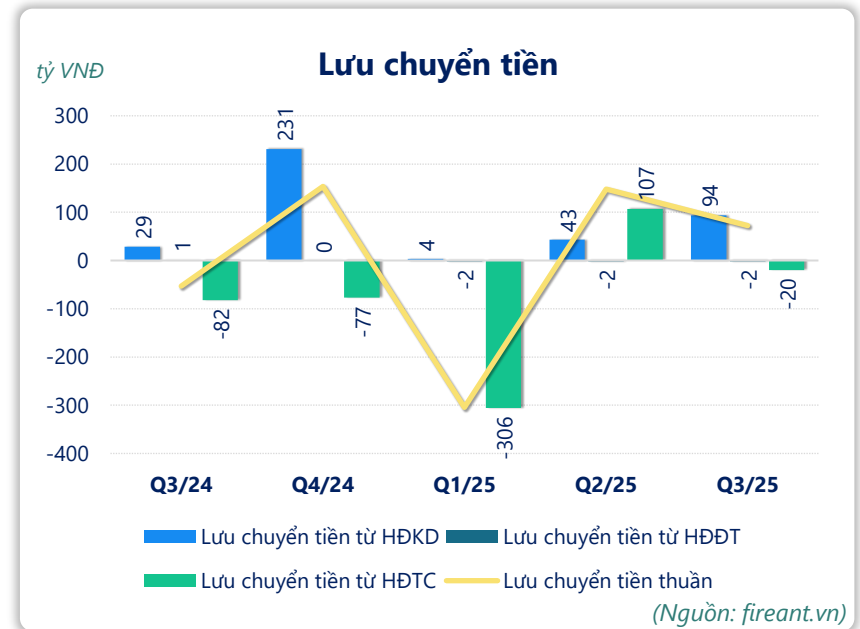
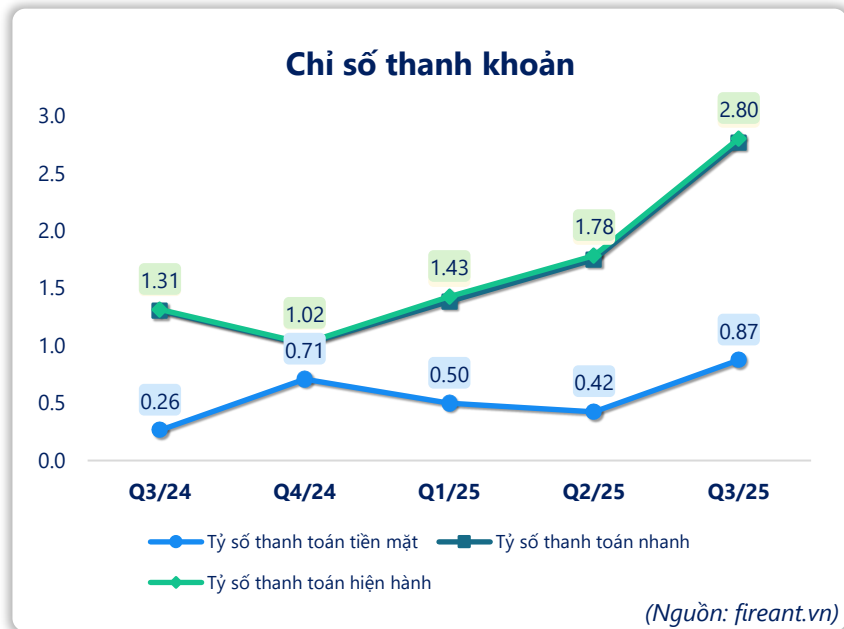
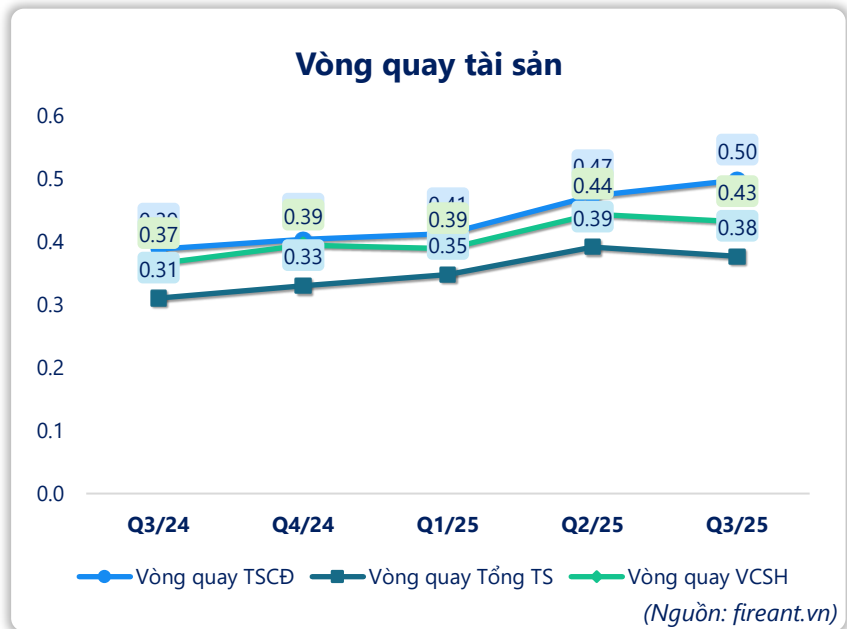
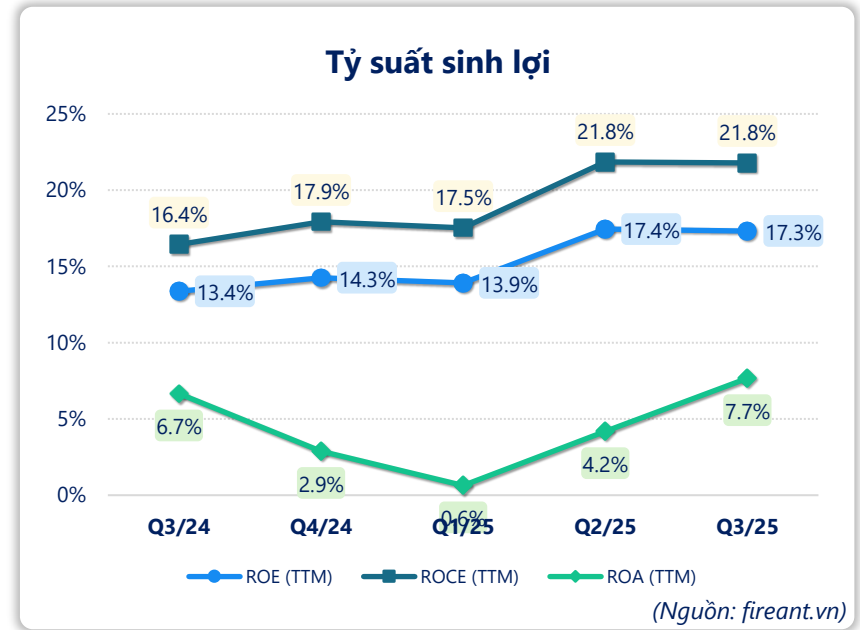
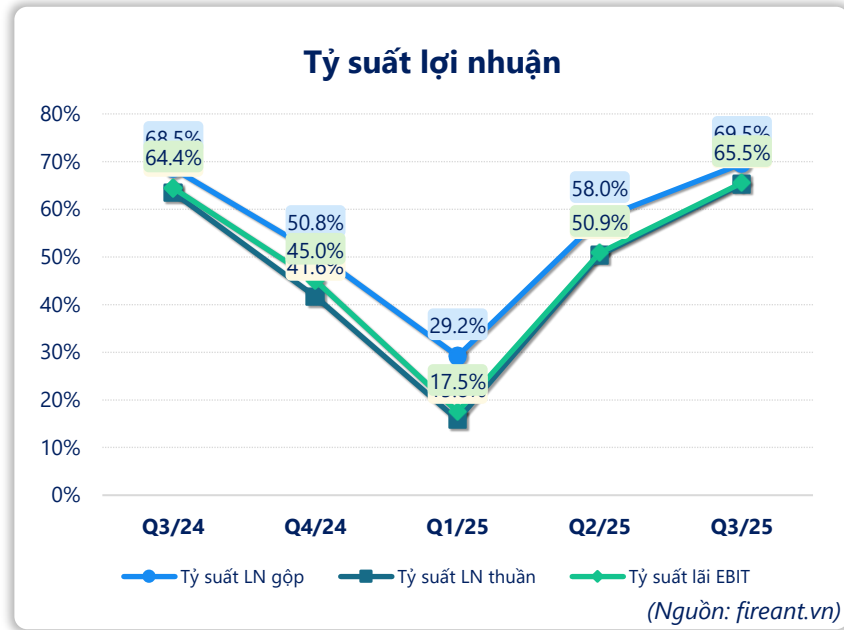
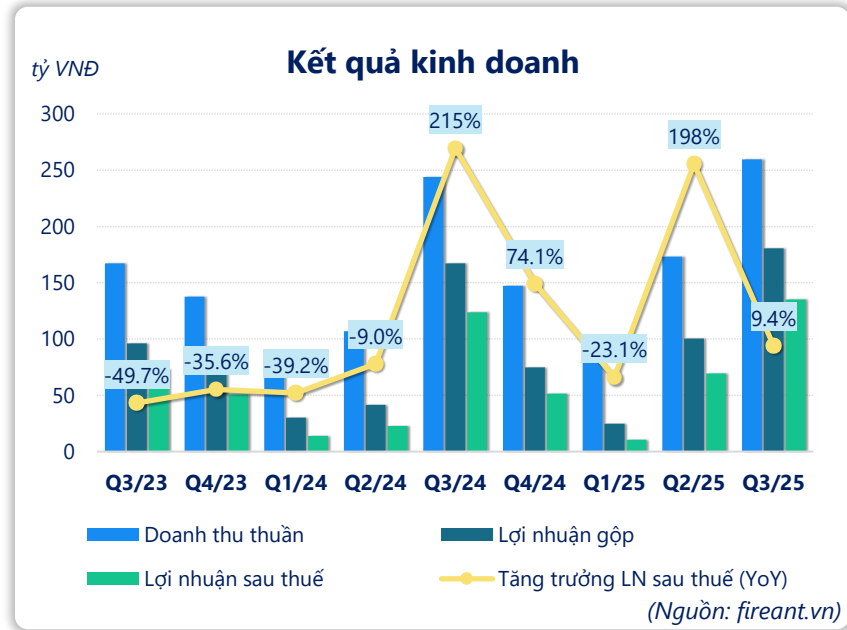


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		25,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,770
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,951
SL cổ phiếu LH		106,589,629
KLGD BQ 20 phiên (CP)		29,292
% sở hữu nước ngoài		31.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,707
P/E		10.2
EPS		2,502

	YTD	1T	3T	6T
VPD	-4.1%	-0.4%	-1.9%	-2.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,742	1,738	0.3%
Tài sản ngắn hạn	440	323	36.4%
Tiền và tương đương tiền	137	221	-37.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	297	94.2	216%
Hàng tồn kho	5.30	6.78	-21.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.07	0.50	-86.5%
Tài sản dài hạn	1,302	1,415	-8.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,260	1,377	-8.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	8.82	3.85	129%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.95	1.95	0.0%
Tài sản dài hạn khác	31.1	32.2	-3.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	165	335	-50.7%
Nợ ngắn hạn	157	315	-50.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.4	58.8	-65.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.29	14.7	-36.7%
Nợ dài hạn	7.90	20.0	-60.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	7.00	20.0	-65.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,577	1,403	12.4%
Vốn chủ sở hữu	1,577	1,403	12.4%
Vốn điều lệ	1,066	1,066	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	244	147	84.7	173	260
Giá vốn hàng bán	76.9	72.4	60.0	72.8	79.0
Lợi nhuận gộp	167	74.8	24.7	100	180
Doanh thu HĐTC	0.56	1.21	0.51	0.47	0.39
Chi phí TC	2.62	2.24	1.76	1.48	0.98
Chi phí lãi vay	2.28	1.90	1.41	1.13	0.85
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	10.2	12.5	10.1	12.1	10.5
LN thuần từ HĐKD	155	61.3	13.4	87.3	169
Lợi nhuận khác	0.00	3.08	0.01	-0.34	-0.15
LN trước thuế	155	64.4	13.4	86.9	169
Lợi nhuận sau thuế	124	51.4	10.7	69.5	135
LNST của CĐ cty mẹ	124	51.4	10.7	69.5	135

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	28.6	231	3.67	43.2	93.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.61	0.00	-2.18	-1.63	-1.86
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-82.3	-77.1	-306	107	-19.8
Tiền đầu kỳ	121	67.7	221	-83.2	65.1
Lưu chuyển tiền thuần	-53.0	154	-304	148	72.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	67.7	221	-83.2	65.1	137

(Nguồn: fireant.vn)